

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xB xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Chương. 2. Bà Đỗ Thị Kim Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2020 tại Hội trường xB xử Tòa án nhân dân thị xã C mở phiên tòa sơ thẩm công khai xB xử vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xB xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên Dương Văn A, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1987. Nơi cư trú: Khu E, phường D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Dương Văn T- Con bà: Vũ Thị Q. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Ngày 07/3/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã C xử phạt 15 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” ngày 07/5/2018 chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 13/02/2020; hiện đang tạm tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh- Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên Nguyễn Văn B, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1989. Nơi cư trú: Xóm H, xã G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không- Trình độ học vấn: Lớp 6/12- Nghề nghiệp: Lao động tự do- Con ông: Nguyễn Văn C1- Con bà: Nguyễn Thị T. Gia đình bị cáo có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất. Vợ là: Trần Thị B1, sinh năm 1995. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 13/02/2020; hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã C- Có mặt tại phiên tòa.

3. Bị hại:

3.1. Anh Phạm Văn I, sinh năm 1984, trú tại: Tổ A1, khu T1, phường B1, TP S, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

3.2. Chị Lê Thị K, sinh năm 1990, trú tại: Khu 5, phường X, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

3.3. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1993, trú tại: Xóm N1, xã T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Anh Phạm Thanh M, sinh năm 1985, trú tại: Tổ 1, khu 7, phường G1, thành phố S, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Mạnh P, sinh năm 1980, trú tại: Khu 3, phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1986, trú tại: Xóm D1, xã T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

-Anh Đỗ Văn O, sinh năm 1995, trú tại: Xóm D, xã T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

-Chị Lâm Thị Hồng Q, trú tại: Khu 5, phường D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

- Anh Đỗ Văn R, sinh năm 1990, trú tại: Xóm D, xã T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xB hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

-Vụ án thứ nhất: Với mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước, khoảng 15 giờ ngày 31/01/2020 tại Khu A1, phường H1, thành phố S, Dương Văn A đã nói dối anh Phạm Văn T2, sinh năm 1984, Trú tại: Tổ A1, khu C1, phường D1, thành phố S, tỉnh Quảng Ninh cho mượn điện thoại để đi gặp người nhà lấy tiền. Tin lời A, anh I đưa chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6Plus màu hồng, dung lượng 16Gb cho A mượn và ngồi đợi. Sau đó A đem điện thoại đến khu vực chợ Loong Toòng bán nhưng không được. A tiếp tục đến cổng cảng Cái Lân thuộc phường B1,thành phố S thuê xe taxi của anh Phạm Thanh M đi Hưng Yên chơi. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 01/02/2020 quay về thành phố S, không có tiền trả anh M 3.000.000 đồng, A đã cầm cố chiếc điện thoại cho anh M rồi bỏ trốn về thị xã C. Sau khi gọi điện và không tìm được A, ngày 02/02/2020 anh I trình báo Công an thành phố S đã thu hồi chiếc điện thoại do anh M giao nộp.

-Vụ án thứ 2: Khoảng 13 giờ ngày 13/02/2020, Dương Văn A rủ Đỗ Văn O đến nhà anh Phạm Văn E1, ở xóm Nam 1, xã T, thị xã C chơi. O đồng ý điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 14X1-010.62 chở A đi. Đến nơi, A một mình vào nhà không gặp anh E1, A nhờ chị gái E1 là Phạm Thị L, sinh năm 1993 gọi điện cho E1. Chị L lấy điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 trị giá 2.400.000 đồng gọi điện và đưa cho A cầm điện thoại ra ngoài sân nói chuyện. Sau đó, A nảy sinh ý định chiếm đoạt liền cất điện thoại vào túi quần rồi đi ra cổng bảo O chở đến cửa hàng điện thoại “*Cường Luyến*” ở khu 3, phường C bán cho anh Nguyễn Mạnh P chủ cửa hàng được 700.000 đồng. Khoảng 15 giờ cùng ngày chị Phạm Thị L đến Công an thị xã C trình báo.

-Sau khi bán điện thoại cho anh P có tiền, A nhờ Hoàng Văn N, trú tại xóm Đình 1, xã T, thị xã C gọi điện hộ A mua 550.000đồng ma túy của Nguyễn Văn B. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/02/2020 B đem ma túy đến giao cho A và cùng tham gia sử dụng ma túy với A, Hoàng Văn Hiếu, Đỗ Văn Chung và Đỗ Văn Chứ tại nhà Chứ ở thôn Đình 1, xã T, thị xã C. Sau khi cả nhóm vừa sử dụng ma túy xong thì Dương Văn A, Nguyễn Văn B đã bị Cơ quan điều tra Công an thị xã C bắt khẩn cấp, thu giữ chiếc điện thoại nêu trên và tiến hành khám xét thu của E 315.000 đồng.

-Vụ thứ 3: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/02/2020, tại nhà chị Lê Thị Thuận ở khu 5, phường Yên Hải, thị xã Quảng Yên, lợi dụng sơ hở Dương Văn A đã trộm cắp 01 sợi dây chuyền kim loại màu bạc trị giá 2.091.2000 đồng và 01 nhẫn nữ kim loại màu vàng gắn đá trị giá 2.100.000đồng của chị Thuận để ở trên bàn trang điểm trong phòng ngủ. Sau đó đem đến hiệu vàng “Đức Cường” ở khu 5, phường Phong Hải bán cho chị Lâm Thị Hồng Q được 3.800.000 đồng. Số tiền này A đã ăn tiêu hết, cùng ngày chị Q đã trình báo Công an thị xã C và thu hồi lại tài sản.

Tại cơ quan điều tra, Dương Văn A khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên; Nguyễn Văn B khai nhận: Ngày 12/02/2020, B mua 500.000 đồng ma túy của một người nam giới tên K1 ở khu vực phường D, thị xã C, mục đích để bán kiếm lời và sử dụng.

- **Lời khai của người bị hại anh Phạm Văn I:** Khoảng 14 giờ ngày 31/01/2020 thì Dương Văn A, sinh năm 1987, trú tại: Khu E, phường D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh đến có rủ anh ra khu vực ngã 3 Cứu Hỏa thuộc phường H2, TP S, tỉnh Quảng Ninh chơi. Tại đây A có hỏi mượn của anh 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu hồng, dung lượng 16Gb để liên lạc với người nhà A lấy tiền, anh I đồng ý cho A mượn điện thoại, sau khi mượn được điện thoại của anh I, A liền gọi taxi đi. Khoảng hơn một tiếng sau không thấy A quay về trả điện thoại, anh I liền mượn điện thoại điện vào số máy thuê bao của anh thì không liên lạc được, mãi đến hôm sau khi anh I gọi thì phía đầu nghe máy bên kia có người trả lời tự xưng tên là M là lái xe taxi, anh M nói với anh I là do A không có tiền nên cầm cố chiếc điện thoại của anh cho M với số tiền 3.000.000đ. Do đó, ngày 02/02/2020 anh đã đến Công an thành phố S trình báo toàn bộ nội dung trên. Sau đó cơ quan điều tra Công an thành phố S đã thu hồi trả lại cho anh chiếc điện thoại không bị hư hỏng hay mất mát gì. Do đó, anh không yêu cầu bị cáo Dương Văn A phải bồi thường.

- **Người bị hại chị Phạm Thị L có lời khai:** Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/02/2020 chị L đang ở nhà tại thôn Nam 1, xã T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh thì có một thanh niên vào xưng tên là D2, sinh năm 1987, trú tại: Khu E, phường D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh đến, D2 nói là em họ của em dâu chị là Đặng Thị H2, thanh niên này trình bày là bị Công an bắt xe máy muốn vay số tiền 350.000đ (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) để chuộc xe nhưng lúc này em dâu chị không có nhà nên người thanh niên hỏi chị mượn điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 để gọi điện cho em trai chị tên là T2. Sau khi gọi điện cho T2 thì người thanh niên trên

đã lấy chiếc điện thoại của chị đi mất, chị L có lấy xe máy đuổi theo nhưng không tìm được người thanh niên trên nên chị đã đến Công an xã T trình báo nội dung sự việc. Ngay trong buổi chiều cùng ngày Công an thị xã C đã bắt được người thanh niên trên và thu chiếc điện thoại về trả cho chị. Tại Công an chị được biết người thanh niên khai tên là Dương Văn A, sinh năm 1987, trú tại: Khu E, phường D, thị xã C. Chị L xác nhận chị đã được cơ quan Công an trả lại chiếc điện thoại trên không bị hư hỏng gì nên chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Đối với phần hình phạt chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Người bị hại chị Lê Thị K có lời khai: Vào khoảng 20 giờ ngày 09/02/2020 khi chị đang ở nhà thì có một thanh niên vào giới thiệu tên là A nhà ở Khu E, phường D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh, A có nói là A đi thi hành án cùng chồng chị và được chồng chị nhận là em, do đó chị K tin tưởng nên ngồi nói chuyện với người này, khoảng một lát thì A về. Đến hôm sau ngày 10/02/2020 chị K đi có việc nên đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì về. Đến buổi trưa cùng ngày khi ngồi ăn cơm tại nhà thì chị được con gái là Nguyễn Minh T3, sinh năm 2012 có kể lại chuyện vào buổi sáng có chú hôm quan đến chơi và có đi lên phòng ngủ của mẹ trên tầng 2, vì thế chị chạy lên phòng ngủ kiểm tra thì phát hiện thấy mất 01 nhẫn vàng tây có đính đá trị giá khoảng 3.500.000đồng và 01 sợi dây chuyền bạc của chồng chị đưa cho trước khi đi thi hành án nhưng vì chị bận chưa đi trình báo công an được.

Hiện nay Cơ quan điều tra công an thị xã C thông báo đã bắt được Dương Văn A là đối tượng trộm cắp tài sản của chị và đã thu hồi tài sản bị mất trả lại cho chị K, chị không có ý kiến gì về phần bồi thường dân sự. Đối với phần hình sự, chị đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thanh M có lời khai: Khoảng 18 giờ ngày 31/01/2020 Dương Văn A, sinh năm 1987, trú tại: Khu E, phường D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh có gọi taxi do anh điều khiển tại khu vực khu công nghiệp C1, thành phố S, tỉnh Quảng Ninh. A yêu cầu anh trở đến huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên chơi với bạn gái và trên đường đi A có nhờ anh mua hộ 01 gói quà trị giá 200.000đ để làm quà. Sau khi chơi ở Hưng Yên về đến nhà nghỉ 68 thuộc phường C2, thành phố S, tỉnh Quảng Ninh A lại tiếp tục vay anh số tiền 200.000đ để mừng tuổi cho chủ nhà nghỉ và A bảo với anh M là bây giờ A chưa có tiền nên cầm chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6Plus màu hồng cho A với số tiền 3.000.000đồng, ngày hôm sau A sẽ liên lạc trả lại tiền cho anh M và lấy lại điện thoại. Do tin tưởng đây là máy điện thoại của A nên anh M đồng ý cầm cho A và chỉ đưa cho A số tiền còn lại là 2.600.000đồng (trừ đi 400.000đồng A vay trước). Đến sáng hôm sau 01/02/2020 có anh Phạm Văn I, sinh năm 1984, trú tại: Tổ 1, khu C1, phường D1, TP S, tỉnh Quảng Ninh gọi điện cho anh nói là số máy điện thoại anh đang dùng là của anh I, lúc này anh mới biết I là chủ của chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6Plus màu hồng mà A đã cầm cố do A phạm tội

mà có. Do đó, anh đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại trên cho cơ quan điều tra Công an thành phố S. Quan điểm của anh M, anh đề nghị A phải trả lại cho anh số tiền 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Mạnh P có lời khai:** Khoảng 14 giờ ngày 13/02/2020 có một nam thanh niên đến cửa hàng điện thoại của anh tại ở khu 3, phường C, thị xã C, người thanh niên nói muốn sửa chữa chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ. Do điện thoại bị khóa màn hình, người thanh niên nói quên mật khẩu màn hình nên nói không sửa nữa muốn bán lại cho anh P, hai bên thỏa thuận với giá 700.000đồng, người thanh niên lấy số tiền 700.000đồng rồi đi khỏi quán, anh không để ý người này đi với ai bằng phương tiện gì. Sau đó cơ quan điều tra Công an thị xã C đến làm việc anh mới biết chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ anh mua của nam thanh niên là do phạm tội mà có và qua nhận dạng, anh P khẳng định người thanh niên bán điện thoại cho anh là Dương Văn A, sinh năm, 1987, trú tại: Khu E, phường D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quan điểm của anh P yêu cầu bị cáo A phải trả lại cho anh số tiền 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thị Hồng Q có lời khai:** Vào khoảng sáng ngày 10/02/2020 chị đang ở cửa hàng vàng bạc “*Đức Cường*” của gia đình thuộc khu 5, phường D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh có một nam thanh niên mặc áo khoác màu vàng đen, đầu đội mũ bảo hiểm, mặt đeo khẩu trang đến cửa hàng bán cho chị Thuỷ 01 chiếc nhẫn nữ để nộp phạt do bị Công an bắt xe. Thấy nhẫn nữ, chị Q hỏi người này nói nhẫn của vợ, chị Q đồng ý mua. Người này còn nói nếu không tin tưởng là nhẫn của gia đình anh ta thì nhà chị Q có Camera nên đã kéo khẩu trang cho chị Q yên tâm. Chị Q trả số tiền 1.600.000đồng và người thanh niên tiếp tục bán cho chị 01 sợi dây chuyền bạc với giá 2.200.000đồng. Tổng cộng 3.800.000đồng (*Ba triệu tám trăm nghìn đồng*). Sau đó Công an thị xã C đã thông báo cho chị tài sản chị mua là do **Dương Văn A**, sinh năm 1987, trú tại: Khu E, phường D, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh phạm tội mà có và thu toàn bộ nhẫn vàng, dây chuyền bạc để trả lại cho người bị hại. Quan điểm của chị Q chị không biết số tài sản trên là do Dương Văn A trộm cắp, chị đề nghị bị cáo phải trả lại chị số tiền 3.800.000đồng (*Ba triệu tám trăm nghìn đồng*).

- **Người liên quan anh Hoàng Văn N khai:** Khoảng 14 giờ ngày 13/02, N có nghe Dương Văn A, sinh năm 1987, trú tại: Khu E, phường D, thị xã C, tỉnh Quảng, điện thoại bảo N nhờ hỏi mua hộ ma túy, N đồng ý và đi đến nhà Đỗ Văn O tại xóm d1, xã T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh rồi gọi điện thoại cho Nguyễn Văn B, sinh năm 1989, trú tại: Xóm H, xã G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh mua 550.000đồng (*năm trăm năm mươi nghìn*) ma túy đá. Tại nhà O, A đưa 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn*) cho B. Sau đó B đưa cho A 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa ma túy, A cầm ma túy cho vào bộ dụng cụ rồi cùng N, O, B, R cùng nhau sử dụng. Khoảng 16 giờ ngày 13/02/2020 bị Công an xã T triệu tập làm việc, N khai nhận chứng kiến việc B bán ma túy cho A và do N là người nghiện lên cả nhóm gồm có A, B, N, O sử dụng ma túy.

-Người liên quan anh Đỗ Văn O có lời khai: Trưa ngày 13/02/2020, O mượn xe máy chở Dương Văn A đến nhà người quen của A tại thôn N1, xã T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh, sau khi vào nhà A có cầm điện thoại ra ngoài và bán được 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*). A điện thoại nhờ N (nhà ở T) hỏi hộ mua ma túy. N điện thoại và hỏi mua ma túy của B. A đưa cho O 600.000đ (*Sáu trăm nghìn*) để trả cho B và hẹn ở khu vực chùa L1 nhưng do chưa gặp O lần nào nên B không giao cho O và đem đến nhà O tại xóm D1, xã T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh giao cho A, và B trực tiếp lấy số tiền mua ma túy 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn*), từ tay của A, trong đó có 550.000đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền mua ma túy, do B không có tiền trả lại A nên B cầm cả 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn*). Sau đó O vào phòng ngủ lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy để cả nhóm gồm A, N, R và B sử dụng ma túy. Lý do O biết A mượn được điện thoại và đem bán do trước khi đi A có nói với O đến vay tiền của người nhà, nên tưởng A mượn được điện thoại của người nhà và đã chờ A đem điện thoại bán. O không biết do phạm tội mà có.

-Người liên quan anh Đỗ Văn R khai: Là người thường xuyên sử dụng ma túy và có quen biết và hay sử dụng ma túy cùng A, N, O, B. Trưa ngày 13/02/2020 Chung có tham gia sử dụng ma túy của A, N, O, B, khi N đến nhà Đỗ Văn O tại thôn N1, xã T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh thấy bộ sử dụng ma túy để ở giữa, R ngồi cạnh N và Dương Văn A cùng O, B cùng nhau sử dụng ma túy. R sử dụng ma túy từ năm 2018, trước đó đã cùng O, N sử dụng ma túy khoảng 3 lần, không nhớ rõ cụ thể. Đây là lần đầu tiên tham gia cùng Dương Văn A. Trong lúc sử dụng ma túy thì R được biết ma túy mà cả nhóm sử dụng là của Dương Văn A mua của Nguyễn Văn B với số tiền 5.50.000đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

-Tại bản kết luận định giá số: 30/KLĐG ngày 18/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố S, kết luận 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6Plus màu hồng, dung lượng 16Gb trị giá 3.480.000đ (*Ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).

-Tại bản kết luận định giá số: 13/KLĐG ngày 17/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã Quảng Yên xác định chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 (đã qua sử dụng) trị giá là 2.400.000đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). (BL: 56).

Tại bản kết luận số: 030520 ngày 03/5/2020 của Công ty vàng bạc đá quý S, tỉnh Quảng Ninh kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu bạc, nặng 52,28 chỉ được làm bằng bạc và 01 nhẫn nữ màu vàng có đính đá, nặng 1,16 chỉ, trong đó nhẫn nặng 1,0 chỉ được làm bằng vàng tây, loại 14K; phần đá thuộc loại đá thông thường không có giá trị. (Toàn bộ tài sản đều đã qua sử dụng).

-Tại bản kết luận định giá số: 25/KLĐG ngày 05/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã C xác định 01 sợi dây chuyền kim loại bạc, trị giá 2.091.200 đồng; 01 nhẫn nữ kim loại vàng loại 14K có gắn đá trị giá 2.100.000 đồng. Tổng cộng: 4.191.200đồng (*Bốn triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng*).

-Tại bản kết luận giám định số: 206: KLGD ngày 03/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, xác định trong mẫu nước tiểu của Dương

Văn A, Nguyễn Văn B, Hoàng Văn N, Đỗ Văn O và Đỗ Văn R ngày 14/02/2020 có chất ma túy loại Methamphetamine.

- Bản cáo trạng số 55/CT-VKSQY ngày 04/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C truy tố bị cáo:

- Dương Văn A về các tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173; tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174; tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175- Bộ luật hình sự.

-Truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251- Bộ luật hình sự.

- Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C giữ quyền công tố nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Dương Văn A về các tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173; tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174; tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175- Bộ luật hình sự.

-Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Khoản 1 Điều 174, khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55- Bộ luật hình sự

- Đề nghị Hội đồng xét xử, xử bị cáo Dương Văn A từ 09 đến 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” . Đề nghị xử phạt 09 đến 12 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” . Đề nghị xử phạt 09 đến 12 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt cho cả ba tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 27 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/02/2020.

-Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử, xử bị cáo Nguyễn Văn B từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/02/2020.

-Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Dương Văn A phải trả cho anh Phạm Thanh M số tiền 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*); trả cho chị Lâm Thị Hồng Q số tiền 3.800.000đồng (*Ba triệu tám trăm nghìn đồng*); trả cho anh Nguyễn Mạnh H số tiền 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).

-Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106- Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47- Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước của bị cáo B 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen (đã qua sử dụng) bên trong không gắn sim.

Trả lại cho bị cáo B 01 điện thoại màu đỏ đen (đã qua sử dụng) gắn sim số 0855562668.

Truy thu của bị cáo B số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) tiền bán ma túy.

- Phần tranh luận:

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C.

-Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XB XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ:

-Tại phiên tòa các bị cáo Dương Văn A thừa nhận hành vi trong khoảng thời gian từ ngày 31/01/2020 đến ngày 10/02/2020 và ngày 13/02/2020 A liên tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6Plus màu hồng của anh Phạm Văn I, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 của chị Phạm Thị L và trộm cắp tài sản là 01 nhẫn vàng tây có đính đá và 01 chiếc dây chuyền bạc của chị Lê Thị K. Tổng trị giá tài sản mà Dương Văn A chiếm đoạt là 10.071.200đ. (*Mười triệu không trăm bảy một nghìn hai trăm đồng*). Tại phiên Tòa Dương Văn A đồng ý trả lại số tiền cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

-Đối với bị cáo Nguyễn Văn B:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn B khai nhận B là người nghiện ma túy nên thường xuyên phải mua ma túy sử dụng. Khoảng 14 giờ ngày 13/02/2020, B nhận được điện thoại của N điện thoại cho B để mua ma túy, B đã mua ma túy của một người không quen biết sau đó đem xuống nhà Đỗ Văn O ở T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh bán cho Dương Văn A với số tiền 550.000đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn*). Sau đó cả nhóm gồm A, B, O, N, R cùng sử dụng ma túy. Đến 16 giờ cùng ngày thì bị Công an triệu tập nên làm việc thử nước tiểu của cả nhóm đều dương tính với ma túy.

[3] Như vậy căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo trước Tòa, lời khai của người bị hại và của những người liên quan, vật chứng thu giữ và Kết luận định giá tài sản, Kết luận giám định, biên bản nhận dạng, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

-Hành vi phạm tội của bị cáo Dương Văn A:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/01/2020, tại tổ 3, khu 1, phường H1, thành phố S, tỉnh Quảng Ninh Dương Văn A đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu hồng trị giá 3.480.000đồng của anh Phạm Văn T1 đem đi cầm cố được số tiền 3.000.000đồng rồi bỏ trốn.

Tiếp đó, khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/02/2020, tại nhà chị Lê Thị P ở khu 5 phường X, thị xã C, Dương Văn A đã trộm cắp của chị Lê Thị P 01 sợi dây chuyền kim loại bạc trị giá 2.091.200đồng (*Hai triệu không trăm chín một nghìn*) và 01 nhẫn nữ kim loại vàng 14K có gắn đá trị giá 2.100.000đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*). Tổng cộng: 4.191.200đồng (*Bốn triệu triệu một trăm chín mươi một nghìn hai trăm đồng*) đem bán lấy 3.800.000 đồng để ăn tiêu.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/02/2020, tại nhà chị Phạm Thị P ở xóm Nam 1, xã T, thị xã C, sau khi mượn điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 màu đỏ trị giá 2.400.000 đồng để gọi điện nói chuyện. Dương Văn A nảy sinh ý định chiếm đoạt rồi đem đi bán được 700.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà Dương Văn A chiếm đoạt là 10.071.200đ. (*Mười triệu không trăm bảy một nghìn hai trăm đồng*).

Hành vi của Dương Văn A đã phạm vào các tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173; tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174; tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175- Bộ luật hình sự

-Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn B.

Khoảng 14 giờ ngày 13/02/2020 tại nhà Đỗ Văn O, ở xóm D, xã T, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn B có hành vi bán 550.000đ (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*) ma túy loại Methamphetamine cho Dương Văn A để sử dụng.

Hành vi nêu trên của bị can Nguyễn Văn B, đã phạm vào tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là hoàn toàn khách quan, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

-Điều 173- Bộ luật hình sự quy định

“1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”:

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. *Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

“1. *Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại*

hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b/ Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”.

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

[4] Tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, nếu ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị.

Dương Văn A là người đã trưởng thành nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do tu dưỡng, rèn luyện đạo đức kém, lười lao động tham lam, lợi dụng sơ hở, sự tin tưởng của người khác cho mượn tài sản rồi lấy sinh ý định chiếm đoạt mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân thỏa mãn nhu cầu bản thân. Do đó, cần có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và trừng trị riêng đối với bị cáo.

[5] Ma túy là một loại độc dược rất nguy hiểm, nó tàn phá, hủy hoại sức khỏe, nhân cách và tính mạng con người, làm lây truyền các căn bệnh hiểm nghèo và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng tới trật tự trị an xã hội. Vì vậy, Nhà nước quy định độc quyền quản lý chất ma túy, bất cứ ai vi phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị.

Nguyễn Văn B là người đã trưởng thành, nhận thức được tác hại của ma túy và điều cấm của pháp luật. Nhưng do tu dưỡng, rèn luyện bản thân kém, bất chấp điều cấm của pháp luật nên đã tìm mua ma túy bán lại cho người khác để kiếm lời lấy tiền thỏa mãn nhu cầu bản thân. Hành vi của bị cáo không những vi phạm quy định của Nhà nước về độc quyền quản lý chất ma túy mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo bị cáo trở thành người tốt.

[6] XB về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

-Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Dương Văn A phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì bị cáo là người đã có tiền án: Ngày 07/3/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã C xử phạt 15 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” ngày 07/5/2018 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo không lấy đó làm bài học bản thân để rèn luyện chớ thành người tốt mà lại tiếp tục phạm tội lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52- Bộ luật hình sự.

-Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Văn B có nhân thân tốt tiền án, tiền sự chưa có, Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 5- Bộ Luật hình sự. Vì vậy giảm nhẹ phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173, 174, 175 và khoản 5 Điều 251- Bộ Luật hình sự. Có thể phạt các bị cáo một khoản tiền sung ngân sách Nhà nước. Nhưng xét bị cáo không nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) bị cáo bán ma túy cho A. Xét đây là tiền do thu lời bất chính từ việc phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 315.000đ (Ba trăm mười năm nghìn đồng) thu của gia đình bị cáo B. Trong quá trình điều tra đã trả lại cho gia đình bị cáo B. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về bồi thường dân sự: Những người bị hại anh Phạm Văn I, chị Phạm Thị L và chị Lê Thị K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

-Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thanh M yêu cầu bị cáo A phải trả lại số tiền 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Mạnh N yêu cầu bị cáo A phải trả lại số tiền 700.000 đồng và chị Lâm Thị Hồng Q yêu cầu Dương Văn A trả lại số tiền 3.800.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Buộc bị cáo phải bồi thường.

[9] Về các tình tiết khác:

Trong vụ án này, anh Phạm Thanh M, Nguyễn Mạnh H và chị Lâm Thị Hồng Q có hành vi mua điện thoại, nhẫn vàng tây, dây chuyền bạc nhưng không biết tài sản do A phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Trong vụ án có Đỗ Văn O là người đi cùng với bị cáo A, O không biết việc A chiếm đoạt điện thoại của chị L đem bán và không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý.

-Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Văn B, qua xác minh có tên K1 địa chỉ khu 1, phường P1, thị xã C hiện vắng mặt tại địa phương nên chưa đủ cơ sở để xử lý.

-Đối với hành vi cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy của Dương Văn A, Nguyễn Văn B, Hoàng Văn N, Đỗ Văn O, Đỗ Văn R. Quá trình điều tra các đối tượng không có sự phân công, tổ chức, đều là những người nghiện chất ma túy nên chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Công an thị xã C đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với các đối tượng nêu trên.

[10] Về án phí hình sự và án phí dân sự: Các bị cáo phải nộp theo quy định.

-Về các lễ trên.

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 1, Điều 173; khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55- Bộ Luật hình sự.

-Căn cứ: Khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51-Bộ luật hình sự.

-Căn cứ: Điều 47; 48-Bộ luật dân sự; Điều 106- Bộ luật tố tụng hình sự.

-Căn cứ: Điều 48- Bộ luật hình sự Điều 106-Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 589- Bộ luật dân sự.

-Căn cứ: Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 - Bộ Luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

-Tuyên bố: Bị cáo **Dương Văn A** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

-Xử phạt: Dương Văn A 09 (Chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. 09 (Chín) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội là 30 (Ba mươi tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/02/2020.

-Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn B** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

-Xử phạt: Nguyễn Văn B 24 (Hai mươi Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/02/2020.

-Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước của bị cáo B 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen (đã qua sử dụng) bên trong không gắn sim.

Trả lại cho bị cáo B 01 điện thoại di động màu đỏ đen (đã qua sử dụng) gắn sim số 0855562668.

Tịch thu của bị cáo B số tiền 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) được trừ đi số tiền 315.000đồng (*Ba trăm mười năm nghìn đồng*) đã thu giữ. Bị cáo còn phải nộp thêm số tiền 285.000đồng (*Hai trăm tám mươi năm nghìn đồng*).

(Toàn bộ vật chứng có trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự thị xã C và Công an thị xã C).

-Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Dương Văn A phải trả cho Phạm Thanh M số tiền 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*); trả cho chị Lâm Thị Hồng Q số tiền 3.800.000đồng (*Ba triệu tám trăm nghìn đồng*); trả cho anh Nguyễn Mạnh N số tiền 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Phạm Thanh M, chị Lâm Thị Hồng Q, anh Nguyễn Mạnh N có đơn yêu cầu thi hành án, mà Dương Văn A không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của Nhà Nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả. Theo lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng

không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015.

-Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Dương Văn A và Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Dương Văn A phải nộp 305.000đồng (*Năm trăm linh ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng*). Tiền án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND Tx. C;
- Công an TX C;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- T.H.A;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XB XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Mạnh

